

Bản án số: 45/2018/DSPT

Ngày 19/6/2018

V/v: "*Tranh chấp kết quả bán đấu giá TS, thanh toán tiền đặt cọc mua bán TS đấu giá theo quy định của pháp luật THADS*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Thân Quốc Hùng.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 01/2018/TLPT-DS ngày 02/01/2017 về : "*Tranh chấp kết quả bán đấu giá TS, thanh toán tiền đặt cọc mua bán TS đấu giá theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự*".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 40/2017/DSST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2018/QĐPT-DS ngày 22/3/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐPT-DS ngày 18/5/2018 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần đấu giá tài sản (CPBĐGTS) M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S- Giám đốc Công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Việt Th sinh năm 1988- cán bộ Công ty.
Theo giấy ủy quyền ngày 11/9/2017 của Giám đốc.

Địa chỉ: Số X, ngõ Y, đường Nguyễn Đình T, phường Hoàng Văn Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang- (có mặt).

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đông A, sinh năm 1990, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Z, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hà Th1, sinh năm 1965, (có mặt).

Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2532/2017, quyền số 13 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/10/2017, công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ&T.

Địa chỉ: Phố L, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Khu M, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Tr - Chấp hành viên- Theo giấy ủy quyền số 453/GUQ-CCTHADS ngày 29/8/2017 - (có đơn xin xử vắng mặt).

2. Công ty cổ phần gỗ Mỹ Nghệ PTN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan N- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị H - Phó Chủ tịch HĐQT- (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ngõ B, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Văn phòng Công chứng Th.

Đại diện ông Đỗ Đình T- Trưởng văn phòng.

Địa chỉ: Số C, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang- (có đơn xin xử vắng mặt).

3. Bà Lương Thị T1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số D, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang-(có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ **Nguyên đơn là Công ty cổ phần bán đấu giá tài sản M** (gọi tắt là Công ty CPBĐGTS M) do ông Dương Viết Th đại diện theo ủy quyền trình bày: Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang và Công ty CPBĐGTS M đã ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 21/2017/HĐBĐG ngày 19/4/2017. Tài sản bán đấu giá theo như chi tiết tài sản có trong Phụ lục số 03 của kết quả thẩm định giá bao gồm: Nhà một tầng số 1 diện tích 30,55m²; Nhà xưởng diện tích 528 m²; Nhà một tầng số 2 diện tích 35,26 m²; Nhà hai tầng diện tích 314,5 m²; Nhà một tầng số 3 diện tích 178,5 m²; Nhà bếp 27,43 m²; Nhà vệ sinh diện tích 6 m²; Nhà ăn diện tích 192,66 m²; Tường rào xây gạch diện tích 111m². Toàn bộ tài sản trên thửa đất tại B,

thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Toàn bộ tài sản trên là của Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ P.T.N.

Sau khi ký Hợp đồng bán đấu giá trên, Công ty đã thông báo mua hồ sơ để tham gia đấu giá, thông báo thời gian địa điểm bán đấu giá theo đúng quy định cho những người tham gia đấu giá.

Ngày 01/06/2017, Công ty đã tổ chức bán đấu giá những tài sản trên, sau 03 vòng trả giá, bà Lương Thị T1 là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Danh A đã trả giá cao nhất với số tiền là 2.909.000.100 đồng trong số những người tham gia đấu giá nên anh A là người trúng đấu giá. Do anh A đã có văn bản ủy quyền cho bà T1 tham gia đấu giá và ký kết các văn bản có liên quan nên khi kết thúc buổi bán đấu giá, giữa Công ty CPBĐGTS M với anh A là người trúng đấu giá do bà T1 là người đại diện của anh A đã ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 28/HĐMBTS ngày 01/6/2017. Theo như Hợp đồng bán đấu giá có quy định về thời hạn, phương thức thanh toán tiền mua tài sản đã bán đấu giá là trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Số tiền anh A phải nộp là 2.609.000.100 đồng, sau khi đã trừ đi 300.000.000 đồng mà anh A đã đặt trước. Hết thời hạn quy định, Công ty thông báo nhiều lần yêu cầu anh Anh nộp số tiền trên, nhưng anh A vẫn không nộp. Giữa Công ty và Chi cục thi hành án dân sự huyện V cũng đã nhiều lần gia hạn thời gian nộp tiền cho anh A, nhưng đến nay anh A vẫn chưa nộp tiền.

Việc anh A không nộp tiền để mua tài sản đấu giá là vi phạm Hợp đồng mà hai bên ký kết. Nay, Công ty CPBĐGTS M đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 01/6/2017
2. Tuyên Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá ngày 01/6/2017 giữa Công ty CPBĐGTS M với anh Nguyễn Danh A (người trúng đấu giá) là vô hiệu.
3. Số tiền 300.000.000 đồng mà anh A đã đặt trước khi tham gia đấu giá thì đề nghị Tòa án áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị định số 62/2016/NĐCP của Chính phủ ngày 18/7/2015 (quy định về chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự) cho sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th đại diện cho Công ty CPBĐGTS M thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 28/HĐMBTS ngày 01/6/2017 giữa Công ty CPBĐGTS M với bà T1 (là người đại diện theo ủy quyền của anh A) vì anh A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Các yêu cầu khác thì ông Th vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

+ Bị đơn là anh Nguyễn Đông A trình bày: Anh đã đăng ký tham gia mua tài sản bán đấu giá của Công ty CPBĐGTS M đối với tài sản của Công ty cổ phần

gỗ Mỹ Nghệ PTN. Do anh không thể tham gia buổi bán đấu giá tổ chức vào ngày 01/6/2017 nên anh đã làm giấy ủy quyền cho bà Lương Thị T1 là mẹ của anh tham gia buổi bán đấu giá. Sau khi bà T1 là người trúng đấu giá, thì giữa Công ty CPBDGTS M đã ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 28/HĐMBTS ngày 01/6/2017 với bà Lương Thị T1.

Công ty CPBDGTS M có yêu cầu: Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 01/6/2017; Tuyên hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá ngày 01/6/2017 giữa Công ty CPBDGTS M với ông Nguyễn Danh Anh là người trúng đấu giá thì anh không có ý kiến gì. Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà anh đã đặt trước khi tham gia đấu giá thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh ủy quyền cho ông Nguyễn Hà Th1 tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ **Chi cục Thi hành án dân sự huyện V** do ông Nguyễn Văn Tr, đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19/4/2017, giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện V với Công ty CPBDGTS M ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 21/2017/HĐBDG toàn bộ tài sản trên thửa đất tại BB, thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Toàn bộ tài sản là của Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ P.T.N, như phía Nguyên đơn đã trình bày.

Số tiền bán đấu giá tài sản của Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ P.T.N dùng để thi hành khoản nợ của Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ P.T.N đối với cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố B, theo Quyết định số 01/2012/QĐST ngày 01/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố B. Sau khi khấu trừ đi các khoản tiền phải thi hành mà vẫn còn thừa tiền thì sẽ dùng để thi hành đối với khoản nợ của ông Phan N và bà Đỗ Thị H theo các bản án số 10A/2014/DSST ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B; Bản án số 72/2014/DS-PT ngày 13/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và Bản án số 02/2013/DSST ngày 08/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B đối với những người được thi hành án là ông Nguyễn Văn B; ông Nguyễn Văn Th2 và bà Nguyễn Thị Hương L.

Ngày 01/06/2017, Công ty CPBDGTS M đã tổ chức bán đấu giá tài sản trên, sau 03 vòng trả giá, bà Lương Thị T1 là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Danh A đã trả giá cao nhất với số tiền là 2.909.000.100 đồng trong số những người tham gia đấu giá nên anh A là người trúng đấu giá. Giữa Công ty CPBDGTS M với anh A là người trúng đấu giá đã ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 28/HĐMBTS ngày 01/6/2017. Theo như Hợp đồng trên anh A phải nộp số tiền mua được tài sản trúng đấu giá là 2.609.000.100 đồng, (sau khi đã trừ đi 300.000.000 đồng mà anh A đã đặt cọc trước khi tham gia đấu giá) trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Công ty CPBĐGTS M và Chi cục thi hành án dân sự huyện V cũng đã nhiều lần gia hạn về thời gian nộp tiền cho anh A, nhưng cho đến nay anh A vẫn chưa nộp tiền. Nay, Công ty CPBĐGTS M khởi kiện anh A với các yêu cầu khởi kiện trên thì Chi cục thi hành án dân sự huyện V không có ý kiến gì.

+ **Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ PTN** do bà bà Đỗ Thị H đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty gỗ Mỹ nghệ được thành lập năm 1989, đến năm 2004 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ P.T.N. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 04/01/2012, người đại diện theo pháp luật là ông Phan N, địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại số 85, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Công ty này gồm có các thành viên bao gồm: Ông Phan N; bà Đỗ Thị H; ông Dương Văn H1; ông Đỗ Văn S1; ông Phan Trọng T. Xí nghiệp M, xã H trực thuộc Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ P.T.N có địa chỉ: BB, thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Còn địa chỉ của Công ty là: Số X, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Từ đầu năm 2016, Công ty đã chuyển về số A, ngõ B, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Theo giấy ủy quyền số 10/HC ngày 02/7/2014, ông Phan N là Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty (là người đại diện theo pháp luật của Công ty) đã ủy quyền cho bà điều hành mọi hoạt động của công ty trong thời gian ông Nam đi chữa bệnh. Đến nay mọi hoạt động của Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ P.T.N là theo sự điều hành của bà.

Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ P.T.N có nợ tiền của Bảo hiểm xã hội thành phố B với số tiền 140.000.000 đồng. Năm 2012, Bảo hiểm xã hội thành phố B khởi kiện đòi Công ty số tiền bảo hiểm xã hội Công ty còn nợ tại Tòa án thành phố B. Ngày 01/3/2012, Tòa án thành phố B đã có Quyết định giải quyết số 01/2012/QĐST. Sau khi có Quyết định của Tòa án nhân dân thành phố B, Công ty vẫn chưa có tiền để trả cho Bảo hiểm xã hội thành phố B. Ngoài ra Công ty không vay nợ của cá nhân hay tổ chức nào khác. Vợ chồng bà có nợ tiền của ông Nguyễn Văn B; vợ chồng ông Nguyễn Văn Th2, bà Nguyễn Thị Hương L với tư cách là cá nhân chứ không liên quan đến Công ty. Việc vay nợ này đã được giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố B theo các bản án số 10A/2014/DSST ngày 18/4/2014; Bản án số 72/2014/DS-PT ngày 13/8/2014; Bản án số 02/2013/DSST ngày 08/3/2013. Tài sản của Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ P.T.N tại BB thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, kê biên để thi hành đối với khoản nợ của Bảo hiểm xã hội thành phố B như Công ty CPBĐGTS M đã trình bày là đúng. Việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện V kê biên toàn bộ tài sản trên đất

tại B thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang để thi hành đối với khoản nợ mà Công ty nợ Bảo hiểm xã hội thành phố B thì bà không đồng ý vì số tiền Công ty nợ Bảo hiểm xã hội thành phố B là không nhiều so với toàn bộ khối tài sản của Công ty. Tài sản này còn liên quan đến quyền lợi của các cổ đông khác của Công ty. Bà chỉ đồng ý kê biên một phần tài sản của Công ty để thi hành khoản nợ mà Công ty nợ Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố B. Còn đối với khoản nợ của cá nhân vợ chồng bà không liên quan gì đến Công ty.

Công ty CPBĐGTS M bán đấu giá tài sản của Công ty bà thì Công ty bà không nhận được bất kỳ thông báo gì. Thời điểm bán đấu giá địa chỉ của Công ty bà đã tạm thời chuyển về số A, ngõ B, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Khi làm việc với Cơ quan thi hành án dân sự huyện V bà đã cung cấp địa chỉ trên cho các cơ quan có liên quan biết.

Nay, Công ty CPBĐGTS M yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 01/6/2017 và tuyên Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá ngày 01/6/2017 giữa Công ty CPBĐGTS M với anh Nguyễn Danh A là người trúng đấu giá là vô hiệu và yêu cầu giải quyết số tiền đặt trước là 300.000.000 đồng của anh A thì bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ **Văn Phòng công chứng Th** do ông Đỗ Đình T đại diện trình bày: Khi nhận được đề nghị tham dự phiên đấu giá do Công ty CPBĐGTS M và yêu cầu công chứng Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá khi có người trúng đấu giá. Ông là đại diện cho Văn Phòng công chứng Th đã tham dự phiên đấu giá, tiến hành công chứng Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá theo đúng quy định của pháp luật. Đến nay, các bên tham gia giao kết Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá không thống nhất được việc thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ **Bà Lương Thị T1 trình bày:** Ngày 01/6/2017, bà được con trai bà là anh Nguyễn Danh A ủy quyền tham gia cuộc bán đấu giá tài sản do Công ty CPBĐGTS M tổ chức. Tài sản bán đấu giá là của Công ty cổ phần gỗ Mỹ Nghệ PTN. Sau 03 vòng trả giá, bà là người trả giá cao nhất nên anh A là người trúng đấu giá. Sau khi buổi bán đấu giá kết thúc giữa Công ty CPBĐGTS M và bà đại diện cho anh A đã ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 28/HĐMBTS ngày 01/6/2017.

Nay, Công ty CPBĐGTS M đề nghị sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000.000 đồng mà anh Nguyễn Danh A đã đặt trước khi đấu giá thì bà không đồng ý mà bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do có nội dung trên, bản án Dân sự sơ thẩm số 40/2017/DSST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 3 và khoản 13

Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 117; Điều 407; Điều 451 Bộ luật dân sự. Điều 29; Điều 34; Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 48 Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính Phủ quy định về bán đấu giá tài sản. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 28/HĐMBTS ngày 01/6/2017 được ký giữa Công ty CPBDGTS M và bà Lương Thị T1 là đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đanh A là vô hiệu.

2. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 01/6/2017 tại biên bản biên bản bán đấu giá tài sản ngày 01/6/2017 của Công ty CPBDGTS M.

3. Trả cho anh Nguyễn Đanh A số tiền đặt trước 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), số tiền này hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện V đang quản lý.

4. Về án phí DSST: Anh Nguyễn Đanh A phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho Công ty CPBDGTS M số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0001848 ngày 24/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử, ngày 28/11/2017, Công ty CPBDGTS M kháng cáo đề nghị sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000.000 đồng mà anh Nguyễn Đanh A đã đặt cọc trước khi đấu giá

Ngày 12/12/2017, Viện trưởng VKSND tỉnh Bắc Giang có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKSND-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm đã xử vì các lý do sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã trả cho anh A số tiền 300.000.000 đồng mà anh Nguyễn Đanh A đã đặt trước khi đấu giá là không đúng, cần phải sung công quỹ số tiền trên.

- Các bên đương sự đều có ý kiến đề nghị giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên là vô hiệu nhưng không xem xét nhận định về mức độ lỗi của các bên; không giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu để buộc bên có lỗi phải bồi thường thiệt hại cho bên bị thiệt hại là giải quyết không đầy đủ các vấn đề cần thiết trong vụ án; ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Nhà nước và các bên có liên quan vi phạm Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Do, anh A đã nộp tiền đặt trước là 300.000.000 đồng cho Công ty CPBDGTS M để tham gia đấu giá tài sản. Nên nếu anh A được trả lại tiền thì

Tòa án phải buộc Công ty CPBĐGTS M trả lại tiền cho anh A và phải buộc Công ty CPBĐGTS M chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phải trả anh A là $300.000.000đ \times 5\% = 15.000.000đ$. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết trả lại cho anh A 300.000.000 đồng. Nhưng lại không tuyên buộc ai là người trả tiền cho anh A, không buộc bên phải trả lại tiền cho anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền là vi phạm điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

-Tòa án đã giải quyết anh A được trả lại 300.000.000đ nhưng lại không tuyên tuyên nghĩa vụ của người phải thi hành án phải chịu nếu chậm thi hành án “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015” là vi phạm quy định tại điểm 1 mục III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997; Điều 26 Luật thi hành án dân sự, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án.

Tại phiên tòa, Công ty CPBĐGTS M do ông Th đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nguyên và yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang giữ nguyên kháng nghị

*Công ty CPBĐGTS M do ông Th đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 62/2016/NĐCP của Chính phủ ngày 18/7/2015 thì số tiền 300.000.000 đồng mà anh A đã đặt trước khi tham gia đấu giá phải được sung công quỹ Nhà nước nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã trả lại cho anh A với lý do: Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá giữa các bên là vô hiệu do anh A không ủy quyền cho bà T1 để ký Hợp đồng này là không đúng.

*Anh Nguyễn Đan A do anh Nguyễn Hà Th1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Việc kê biên tài sản của Công ty PTN nhưng không kê biên về QSDĐ mà sau này người trúng đấu giá phải làm thủ tục thuê đất với Nhà nước. Do anh A tìm hiểu và được biết Công ty PTN đã phản đối đối với người trúng đấu giá và không trả đất cho Nhà nước nên nếu trả tiền để mua các tài sản của Công ty PTN thì anh A đã lo ngại về việc không được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nên anh A đã không nộp tiền cho Chi cục Thi hành án dân sự sau khi biết rằng mình là người trúng đấu giá.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đó chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty CPBDGTS M và kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang, hủy bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2012/QĐLD-ST ngày 01/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố B đã giải quyết Công ty cổ phần gỗ Mỹ nghệ P.T.N (Công ty P.T.N) phải trả cho Bảo hiểm xã hội thành phố B 178.220.822đ; sau đó Công ty P.T.N đã thanh toán được 37.327.000đ; còn số tiền 140.893.822đ vẫn chưa thanh toán. Bản án dân sự phúc thẩm số 55/2013/DSPT ngày 7/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã giải quyết buộc bà Đỗ Thị H phải trả cho anh Nguyễn Văn Th2, chị Lê Thị Hương L 5.109.068.250đ. Bản án dân sự phúc thẩm số 72/2014/DSPT ngày 13/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã buộc ông Phan Trọng N (Phan N) và bà Đỗ Thị H phải trả cho anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị L A 27.438.448.000đ. Ngoài ra các quyết định, bản án trên còn buộc Công ty P.T.N; ông N, bà H phải chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ trả tiền và tiền lãi nếu chậm thi hành án.

Do Công ty P.T.N, ông N, bà H không tự nguyện thi hành các quyết định, bản án nêu trên. Ngày 27/10/2015, Chi cục thi hành án dân sự huyện V (Chi cục THADS) đã có Quyết định số 03/QĐ-CCTHA về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của Công ty P.T.N, ông N, bà H gồm nhà trụ sở, nhà xưởng, các hạng mục công trình trên diện tích đất thuê 1.404m² ở thôn N, xã H, huyện V.

Ngày 19/4/2017, Chi cục THADS đã ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 21/2017/HĐBDG với Công ty CPBDGTS M; Tài sản bán đấu giá theo như chi tiết tài sản có trong phụ lục số 03 của kết quả thẩm định giá bao gồm: Toàn bộ tài sản của Công ty P.T.N.

Sau khi ký Hợp đồng bán đấu giá trên, Công ty CPBDGTS M đã thông báo mua hồ sơ để tham gia đấu giá, thông báo thời gian địa điểm bán đấu giá theo đúng quy định cho những người tham gia đấu giá.

Ngày 01/06/2017, Công ty CPBDGTS M đã tổ chức bán đấu giá các tài sản theo thông báo trên. Trong số các khách hàng tham gia đấu giá có anh Nguyễn

Đanh A. Do anh A vắng mặt không thể tham gia đấu giá nên anh A đã có văn bản ủy quyền cho bà Lương Thị T1 (mẹ của anh A) tham dự buổi đấu giá.

Sau 03 vòng trả giá, bà Lương Thị T1 là người đại diện theo ủy quyền của anh A đã trả giá cao nhất với số tiền là 2.909.000.100 đồng trong số những khách hàng tham gia đấu giá nên anh A là người trúng đấu giá. Khi kết thúc buổi bán đấu giá ngày 01/6/2017, giữa Công ty CPBĐGTS M và bà T1 là người đại diện của anh A đã ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 28/HĐMBTS và ghi rõ tên khách hàng trúng đấu giá là anh Nguyễn Đanh A. Tại Điều 2 của Phần Nội dung của Hợp đồng bán đấu giá đã quy định về thời hạn, phương thức thanh toán tiền mua tài sản đã bán đấu giá là: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán này, khách hàng trúng đấu giá phải nộp đủ số tiền 2.609.000.100 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000.000 đồng đặt trước. Nếu không thực hiện đúng hạn trả tiền thì Công ty sẽ hủy bỏ Hợp đồng mua bán này. Ông Nguyễn Đanh A không được nhận lại khoản tiền đã nộp. Hợp đồng này được công chứng tại Văn Phòng công chứng Th ngày 02/6/2017, (BL: 33- 35);

Hết thời hạn quy định, Công ty CPBĐGTS M đã thông báo nhiều lần yêu cầu anh A nộp số tiền trên, nhưng anh A vẫn không nộp tiền.

Giữa Công ty CPBĐGTS M và Chi cục thi hành án dân sự huyện V cũng đã nhiều lần gia hạn thời gian nộp tiền cho anh A. Nhưng đến nay anh A vẫn chưa nộp tiền để mua tài sản trúng đấu giá. Nay, Công ty CPBĐGTS M đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 01/6/2017;
2. Tuyên Hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá ngày 01/6/2017 giữa Công ty CPBĐGTS M với anh Nguyễn Đanh A (người trúng đấu giá) do Hợp đồng này là vô hiệu;
3. Số tiền 300.000.000 đồng mà anh A đã đặt cọc trước khi tham gia đấu giá đề nghị Tòa án cho sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 62/2016/NĐCP qui định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận 1 phần khởi kiện của Công ty CPBĐGTS Miền cụ thể là: Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 01/6/2017; Hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá ngày 01/6/2017 giữa Công ty CPBĐGTS M với anh Nguyễn Đanh A (người trúng đấu giá); Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà anh A đã đặt trước khi tham gia đấu giá thì anh A đã được trả lại.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty CPBĐGTS M và VKSND tỉnh Bắc Giang kháng nghị.

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty CPBĐGTS M và kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang về việc số tiền 300.000.000 đồng mà anh A đã đặt cọc trước khi tham gia đấu giá thì phải sung công quỹ Nhà nước, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Nguyễn Đanh A là người đăng ký tham gia phiên đấu giá ngày 01/06/2017 do Công ty CPBĐGTS M tổ chức. Do anh A không tham gia đấu giá nên anh A đã viết giấy ủy quyền cho bà Lương Thị T1 sinh năm 1971 tại Văn phòng công chứng Thiên Long với nội dung: “Bà T1 được thay mặt tôi tham gia đấu giá; ký biên bản trúng đấu giá; trong phạm vi ủy quyền bà T1 được quyền lập, ký tên trên các giấy tờ liên quan, thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan đến nội dung ủy quyền”, văn bản ủy quyền có xác nhận của công chứng viên của Văn phòng công chứng Th, (BL: 41,42).

Ngày 01/6/2017, bà T1 đã nhận sự ủy quyền của anh A tham gia đấu giá và trả giá cao nhất nên anh A là người trúng đấu giá. Theo hợp đồng mua bán tài sản thể hiện anh A là người trúng đấu giá (là người mua tài sản), bà T1 là người đại diện theo ủy quyền của anh A đã ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với Công ty CPBĐGTS M, (BL 35).

Ngày 02/6/2017, Công ty CPBĐGTS M đã giao các tài liệu cho anh A (BL 300) gồm: Biên bản bán đấu giá tài sản, (BL 38); Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, (BL 35); Thông báo kết quả bán đấu giá, (BL 45).

Cả anh A và bà T1 đều không khiếu nại gì đối với việc bà T1 đã ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với Công ty CPBĐGTS M thay cho anh A.

Ngày 15/6/2017, Chi cục thi hành án dân sự có công văn số 329/CV-CCTHADS gửi Công ty CPBĐGTS M đề nghị hủy kết quả đấu giá tài sản cho người trúng đấu giá do hết thời hạn nộp tiền nhưng anh A không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền, (BL 298).

Thực hiện việc thông báo đề nghị hủy kết quả đấu giá tài sản cho người trúng đấu giá của Chi cục thi hành án dân sự, Công ty CPBĐGTS M đã nhiều lần mời anh A và bà T1 đến làm việc tại Công ty CPBĐGTS M cụ thể:

Ngày: 23/6/2017 (BL 296), Công ty CPBĐGTS M mời anh A và T1 đến làm việc nhưng chỉ có bà T1 đến Công ty CPBĐGTS M mà anh A không đến. Tại Biên bản làm việc với cán bộ của Công ty CPBĐGTS M, bà T1 đã đề nghị Công ty CPBĐGTS M gia hạn thời gian nộp tiền cho anh A đến ngày 29/6/2017, (BL: 294-295).

Tiếp đến, các ngày: 7/7/2017-(BL 290); 10/7/2017-(BL 287), Công ty CPBDGTS M đã mời anh A đến làm việc nhưng anh A vẫn không đến theo yêu cầu của Công ty CPBDGTS M.

Theo khoản 3 Điều 35 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 4/3/2010 quy định về bán đấu giá tài sản như sau: “Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá được ký kết giữa tổ chức bán đấu giá tài sản và người mua được tài sản bán đấu giá. Đối với những tài sản mà pháp luật quy định Hợp đồng mua bán phải có công chứng hoặc phải được đăng ký, thì Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá phải phù hợp với quy định đó”.

Như vậy, anh A đã ủy quyền cho bà T1 về việc thay anh A tham gia đấu giá, ký biên bản trúng đấu giá, ký tên trên các giấy tờ liên quan, thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan. Do vậy, trong phạm vi được ủy quyền thì việc bà T1 là người tham gia ký Hợp đồng mua bán tài sản với Công ty CPBDGTS M là đúng quy định tại các Điều 134, 135, 138, 140, 141 Bộ luật dân sự năm 2015 được coi là hợp pháp.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã cho rằng anh A không ủy quyền cho bà T1 ký Hợp đồng mua bán tài sản, việc bà T1 ký hợp đồng mua bán tài sản là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 4/3/2010 là không đúng. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản số 28/HĐMBTS ngày 01/6/2017 vô hiệu là không có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Hà Th1 đại diện cho anh A đã trình: Do Công ty PTN đã không trả đất cho Nhà nước nên nếu anh A trả tiền để mua các tài sản của Công ty PTN thì sẽ không được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Về lý do này, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 14/7/2017, Chi cục thi hành án dân sự huyện V mời anh A đến làm việc.

Tại Biên bản làm việc ngày 14/7/2017, anh Nguyễn Đan A đã trình bày: “Tôi là người mua đấu giá thành tài sản kê biên của công ty Cổ phần gỗ mỹ nghệ P.T.N ở BB, thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Tôi đã nộp số tiền đặt cọc 300.000.000đ vào tài khoản của cơ quan Thi hành án dân sự huyện V. Tôi đã ký Hợp đồng mua bán tài sản ngày 01/6/2017 với Công ty CPBDGTS M. Tôi mua tài sản kê biên với giá 2.909.000.100 đồng, tôi đã nộp 300.000.000 đồng còn 2.609.000.100 đồng. Trong thời hạn 15 ngày, tôi phải nộp đủ vào tài khoản của cơ quan Thi hành án dân sự. Đã hết thời hạn nộp tiền nhưng tôi đã tìm hiểu về việc sở hữu, sử dụng tài sản liên quan đến tài sản thi hành còn vướng mắc đến công nhận quyền sử dụng đất thuê của Nhà nước cho người trúng đấu giá tài sản. Do ông Phan

Trọng N là người đại diện của Công ty cổ phần mỹ nghệ P.T.N không tự nguyện trả lại đất thuê và đất thuê vẫn không có bìa đỏ. Ngày 14/6/2017, tôi đến Cơ quan Thi hành án dân sự V để nộp tiền, các cổ đông của công ty cổ phần mỹ nghệ P.T.N và bà Đỗ Thị H là vợ ông N đã gây khó khăn nên tôi quyết định chưa nộp tiền. Quan điểm của chúng tôi sẽ nộp đủ tiền khi Cơ quan Thi hành án dân sự huyện V cam đoan trong thời hạn 02 tháng phải thu hồi lại quyền thuê đất của ông Phan Trọng N và cấp mới cho chúng tôi”.

Sau khi nghe ý kiến của anh Nguyễn Đình A thì chấp hành viên của Chi cục thi hành án dân sự huyện V đã giải thích: “Thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày 01/6/2017 mà các bên đã ký Hợp đồng mua tài sản đến nay (ngày 14/7/2017) đã quá hạn. Từ nay đến ngày 17/7/2017, Chi cục thi hành án dân sự huyện V yêu cầu anh A nộp đủ số tiền còn lại là 2.609.000.100 đồng vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chi cục Thi hành án dân sự huyện V có trách nhiệm giao tài sản thi hành án cho anh A và cung cấp giấy tờ văn bản liên quan đến tài sản, phối hợp với các Cơ quan có thẩm quyền đề nghị làm thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất”, (BL 202).

Như vậy, lý do anh A không nộp tiền cho Chi cục Thi hành án dân sự sau khi biết rằng mình là người trúng đấu giá theo như ông Th1 đại diện cho anh A trình bày tại phiên tòa hôm nay là không có căn cứ chấp nhận.

Theo Điều 2 tại phần Nội dung của Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đã quy định: Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày 2 bên ký Hợp đồng (ngày 01/6/2017) thì anh A phải nộp đủ số tiền 2.909.000.100 đồng nhưng được trừ 300.000.000 đồng mà anh A đã nộp tiền đặt cọc trước khi tham gia đấu giá; Nếu anh A không thực hiện đúng thời hạn trả tiền thì Công ty sẽ hủy bỏ Hợp đồng, anh A sẽ không được nhận lại khoản tiền đã nộp.

Mặc dù Chi cục thi hành án dân sự đã gia hạn cho anh A đến ngày 17/7/2017 phải nộp tiền. Nhưng đến nay, anh A vẫn không thực hiện việc nộp số tiền trên.

Tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thi hành án dân sự đã nêu: “Trường hợp sau khi phiên đấu giá kết thúc mà người trúng đấu giá tài sản từ chối mua hoặc đã ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá nhưng chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào thì khoản tiền đặt trước thuộc về ngân sách Nhà nước và được sử dụng để thanh toán lãi suất chậm thi hành án, tạm ứng chi phí bồi thường Nhà nước, bảo đảm tài chính để thi hành án và các chi phí cần thiết khác”.

Do anh A đã vi phạm về thời hạn thanh toán tiền được quy định trong Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá. Hơn nữa, theo quy định của khoản 5 Điều 27 Nghị

định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 đã được viện dẫn nêu trên thì kể cả trong trường hợp anh A không ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với Công ty CPMBTS M nhưng anh A từ chối mua tài sản đấu giá thì số tiền 300.000.000 đồng mà anh A đã đặt cọc cũng phải được sung công quỹ Nhà nước.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trả lại cho anh A số tiền 300.000.000 đồng vì cho rằng Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là không hợp pháp là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP như đã viện dẫn ở trên. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của Công ty CPBDGTS M và kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang về nội dung trên.

[2] Về kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang cho rằng: Các bên đương sự đều có ý kiến đề nghị giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên là vô hiệu nhưng không xem xét nhận định về mức độ lỗi của các bên dẫn đến Hợp đồng bị vô hiệu; không giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu để buộc bên có lỗi phải bồi thường thiệt hại cho bên bị thiệt hại là giải quyết không đầy đủ các vấn đề cần thiết trong vụ án; ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Nhà nước và các bên có liên quan, vi phạm Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã giải quyết tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên là vô hiệu nhưng chưa có thiệt hại xảy ra nên không cần thiết phải xem xét đến các yếu tố lỗi của các bên. Do vậy, kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang cho rằng: Do, anh A đã nộp tiền đặt trước 300.000.000 đồng cho Công ty CPBDGTS M để tham gia đấu giá tài sản. Nên nếu anh A được trả lại tiền thì Tòa án phải buộc Công ty CPBDGTS M trả lại tiền cho anh A và phải buộc Công ty CPBDGTS M chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phải trả anh A là $300.000.000đ \times 5\% = 15.000.000đ$. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết trả lại cho anh A 300.000.000 đồng. Nhưng lại không tuyên buộc ai là người trả tiền cho anh A, không buộc bên phải trả lại tiền cho anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền là vi phạm điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về nội dung này, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty CPBDGTS M là tổ chức đấu giá thực hiện việc đấu giá theo quy định của Luật đấu giá tài sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 38 quy định về đăng ký tham gia đấu giá của Luật đấu giá tài sản thì người tham gia đấu giá phải đặt trước 1 khoản tiền tại tổ chức đấu giá tài sản. Tại Điều 39 quy định về tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước đã quy định:

Trường hợp trúng đấu giá thì tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện việc giao kết hoặc thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc thực hiện nghĩa vụ mua bán tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc xử lý tiền đặt cọc thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Theo sự phân tích ở tại phần [1] thì việc Tòa án cấp sơ thẩm trả lại tiền đặt cọc cho anh A là không đúng mà phải sung công quỹ Nhà nước, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét đối với nội dung kháng nghị này của VKSND tỉnh Bắc Giang.

[4] Về kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang cho rằng: Tòa án đã giải quyết anh A được trả lại 300.000.000đ nhưng lại không tuyên tuyên nghĩa vụ của người phải thi hành án phải chịu nếu chậm thi hành án “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015” là vi phạm quy định tại điểm 1 mục III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997; Điều 26 Luật thi hành án dân sự, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án.

Về nội dung này, Hội đồng xét xử xét thấy: Như việc Hội đồng xét xử đã phân tích tại phần [1] và phần [3] đã xác định: Tòa án cấp sơ thẩm trả lại tiền đặt cọc cho anh A là không đúng, do vậy Hội đồng xét xử cũng không xem xét đối với nội dung kháng nghị này của VKSND tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm theo như đề nghị của vị đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang mà chỉ cần sửa bản án theo hướng: Buộc Công ty CPBDGTS M phải sung công quỹ số tiền 300.000.000 đồng là tiền đặt cọc của anh Nguyễn Đan A.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của Công ty CPBDGTS M và 1 phần kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng khoản 3 và 13 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 117; Điều 407; Điều 451 Bộ luật dân sự. Điều 29; Điều 34; Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 48 Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính Phủ; khoản 5 Điều 27 Nghị định

số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 28/HĐMBTS ngày 01/6/2017 được ký giữa Công ty CPBDGTS M và bà Lương Thị T1 là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đanh A là vô hiệu.

2. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 01/6/2017 tại Biên bản bán đấu giá tài sản ngày 01/6/2017 của Công ty CPBDGTS M.

3. Buộc Công ty CPBDGTS M phải sung công quỹ số tiền 300.000.000 đồng là tiền đặt cọc của anh Nguyễn Đanh A.

số tiền này hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện V đang quản lý.

4- Về án phí DSST:

Anh Nguyễn Đanh A phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho Công ty CPBDGTS M số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0001848 ngày 24/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5- Về án phí DSPT: Các đương sự không phải nộp án phí DSPT.

Hoàn trả cho Công ty CPBDGTS M số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2012/06473 ngày 28/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nội nhân:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án; Lưu VP.

**t.m h é i @ ả n g x Đ t x ố p h ó c t h Ề m
Th Ề m p h , n - C h ã t o ¹ p h i ² n t o p**

(đã ký)

Phạm Thị Minh Hiền

